TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Kim Tuyến.

2. Ông Văn Công Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè tham gia phiên tòa:

Ông Trần Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/01/2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: 366/8A đường L, tổ T, ấp B, xã P, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 366/8A đường L, tổ T, ấp B, xã P, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 01 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Bà Phạm Thị Ngọc T là nguyên đơn trình bày:

Bà Phạm Thị Ngọc T và Ông Nguyễn Ngọc K tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/8/2017.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng kể từ tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà T và Ông K đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả.

Cũng từ tháng 7 năm 2017 Bà T và Ông K đã sống ly thân, không còn sự quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Từ khi Bà T nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè Ông K có biết nhưng không đến Tòa để giải quyết.

Nay, Bà T xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn Ông K.

Về con chung: Bà T khai có một con chung tên Nguyễn Minh N , sinh ngày 11/02/2018, Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Ông K cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà T khai không có.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Ông Nguyễn Ngọc K là bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho Ông K nhưng Ông K đều không đến Tòa án để làm việc hoặc có văn bản phản hồi ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 90 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/8/2017 thì Bà Phạm Thị Ngọc T và Ông Nguyễn Ngọc K có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Phạm Thị Ngọc T xin ly hôn Ông Nguyễn Ngọc K. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo kết quả xác minh từ Công an xã P, huyện Nhà Bè ngày 11/02/2019 thì Ông Nguyễn Ngọc K hiện đang cư trú tại 366/8A đường L, tổ T, ấp B, xã P, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là Ông Nguyễn Ngọc K mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Ông Nguyễn Ngọc K theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Bà Phạm Thị Ngọc T xin ly hôn Ông K do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ tháng 7 năm 2018 đến nay mà không cải thiện được. Mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã những vấn đề về kinh tế trong gia đình. Cũng từ tháng 7 năm 2018 đến nay Bà T và Ông K đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai nữa. Bà T và Ông K cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả.

Theo kết quả xác minh ngày 11/02/2019 thì vợ chồng Bà Phạm Thị Ngọc T và Ông Nguyễn Ngọc K chưa đến Hội Liên hiệp phụ nữ xã P trình báo về mâu thuẫn gia đình, hai người có một con chung là Nguyễn Minh N , sinh ngày 11/02/2018 hiện đang sống cùng Bà T.

Xét, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Ông K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng để tham gia hòa giải, hàn gắn gia đình với Bà T cũng như đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình, tuy nhiên Ông K vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà T và Ông K là hoàn toàn có thật và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của Bà Phạm Thị Ngọc T đối với Ông Nguyễn Ngọc K.

[3.2] Về con chung: Bà Phạm Thị Ngọc T và Ông Nguyễn Ngọc K có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Minh N , sinh ngày 11/02/2018, Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Ông K cấp dưỡng cho con. Hiện nay do Bà T đang trực tiếp chăm sóc trẻ Nguyễn Minh N , Ông K không đến Tòa để giải quyết vụ kiện, để đảm bảo quyền lợi và điều kiện phát triển bình thường của trẻ, Hội đồng xét xử xử quyết định giao con chung là trẻ Nguyễn Minh N , sinh ngày 11/02/2018 cho Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do Bà T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà T xác định không có.

[3.4] Về nợ chung: Bà T xác định không có.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Bà Phạm Thị Ngọc T có nghĩa vụ phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266; 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 52, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016,

Tuyên xử:

Về hình thức: Xét xử vắng mặt bị đơn Ông Nguyễn Ngọc K.

Về nội dung:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Phạm Thị Ngọc T được ly hôn với Ông Nguyễn Ngọc K.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Minh N , sinh ngày 11/02/2018 cho Bà Phạm Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không có.

Bà Phạm Thị Ngọc T và Ông Nguyễn Ngọc K có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho nhau khi đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được

quy định tại Khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T xác định không có.

- Về nợ chung: Bà T xác định không có.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do Bà Phạm Thị Ngọc T chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà Bà T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2018/0033771 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thùy Linh